

Số: 73/2025/QĐST-DS

An Giang, ngày 03 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH AN GIANG**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLS-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1949.

2/ Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp C, xã H, tỉnh AG.

Bị đơn: 1/ Ông **Trịnh Ngọc L**, sinh năm 1970.

2/ Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp C, xã H, tỉnh AG.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số nợ: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B yêu cầu bị đơn ông Trịnh Ngọc L và bà Phan Thị M trả số nợ 56.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Trịnh Ngọc L và bà Phan Thị M thừa nhận còn nợ nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B số tiền 56.000.000 đồng.

Về cách trả nợ: Bị đơn ông Trịnh Ngọc L và bà Phan Thị M cam kết đến ngày 05/9/2025 (dương lịch) sẽ thanh toán một lần hết số nợ 56.000.000 đồng cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B.

Nguyên đơn Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B thống nhất với thời gian và phương thức trả nợ mà phía vợ chồng bà M, ông L đưa ra, và không có ý kiến gì khác.

- Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do nguyên đơn Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên ông H, bà B được miễn án phí.

Bị đơn bà Phan Thị M và ông Trịnh Ngọc L phải liên đới chịu án phí sơ thẩm dân sự hòa giải thành là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phía thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV8 – AG;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy